

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 287/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2017.

“V/v ly hôn, tranh chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông: La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 949/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2017 về việc *“Ly hôn, tranh chấp tài sản”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/9/2017 và những lời khai tiếp theo chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T chung sống vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây

gỗ, anh T đánh chửi chị nhiều lần nên đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị N trình bày hiện chị đang mang thai con khoảng 08 tháng tuổi.

Về tài sản chung: Gồm 3,5 chỉ vàng 18 Kara; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24 Kara, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K; Quá trình chung sống vợ chồng chị bỏ chi phí để san lấp nền nhà, trong đó chị góp vào số tiền 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, tôi yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung, yêu cầu anh T phải giao trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà chị đã góp vào để san lấp nền nhà.

Về nợ chung: Chị N khai không có.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống đúng như lời trình bày của chị N là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì không đúng, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, anh mong muốn hàn gắn để cùng chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh xác nhận chị N đang mang thai là con chung giữa anh và chị N.

Về tài sản chung, gồm: Một sợi dây chuyền 3.5 chỉ vàng 18K; 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K; 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K. Số tài sản này hiện anh đang quản lý.

- Chi phí đồ đất san lấp nền nhà là 28 triệu đồng; trong đó chị N góp vào 10 triệu đồng.

Nếu Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N thì đồng ý chia đôi số vàng trên; đồng ý giao trả lại cho chị N chi phí san lấp nền nhà là 10.000.000 đồng vào tháng 02/2018.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được; các đương sự thống nhất về số tài sản chung nhưng không thống nhất về thời gian giao tài sản.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng,

Chị Nguyễn Hồng N xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Anh T hiện đang cư trú tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Anh T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được

triệu tập hợp lệ, căn cứ vào các điều 227, 228 nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng quy định.

2. Về nội dung,

Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước tòa, chị N xin ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng từ khi ly thân cho đến nay anh không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt điều đó chứng tỏ anh cũng không có thiện chí để hàn gắn trong khi chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên cương quyết xin ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, việc chị N xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh T đều thống nhất khai hiện chị N đang mang thai là con chung trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, chị N có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản:

Các đương sự thống nhất khai tài sản chung gồm: Gồm 3,5 chỉ vàng 18 Kara; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24 Kara, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K. Số tài sản trên hiện do anh T đang quản lý.

Chi phí đồ đạc san lấp nền nhà 28.000.000 đồng, trong đó chị góp vào số tiền 10.000.000 đồng.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung, yêu cầu anh T phải giao trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà chị đã góp vào san lấp nền nhà. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai anh cũng đồng ý chia đôi số tài sản chung, anh xin tiếp tục quản lý nữ trang và giao giá trị tài sản chung được chia bằng hiện vật cho chị N; đồng ý giao trả số tiền 10.000.000 đồng là chi phí mà chị N góp vào để san lấp nền nhà. Anh T đề nghị giao tiền vào tháng 02 năm 2018 nhưng chị N không đồng ý.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì dây chuyền vàng 24 Kara có giá bình quân khoảng là 3.400.000 đồng/chỉ, vàng nhẫn 18 kara có giá trị bình quân khoảng 2.640.000 đồng/chỉ. Như vậy, giá trị tài sản chung của chị N và anh T đang tranh chấp có giá trị là 15.280.000 đồng.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi ích của chị N, Hội đồng xét xử buộc anh T phải có trách nhiệm giao lại số tiền 7.640.000, tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị số vàng và có nghĩa vụ giao số tiền 10.000.000 đồng chi phí san lấp nền nhà cho chị N là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có.

3. Về án phí:

Tài sản chung mà chị N và anh T được chia có giá trị là 7.640.000 đồng nên các bên đương sự phải nộp 5% án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia. Ngoài ra, anh T còn phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 5% trên số tiền 10.000.000 đồng mà Hội đồng xét xử buộc phải giao trả lại cho chị N là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 59, 63, 146, 147, 157, 222, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú để làm thủ tục đăng ký khai sinh khi con chung được sinh ra theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp con chung được sinh ra thì anh Nguyễn Minh T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản:

- Anh Nguyễn Minh T được tiếp tục quản lý, sở hữu 3,5 chỉ vàng 18 Kara; 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24 Kara, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K.

- Chị Nguyễn Hồng N được quyền sở hữu số tiền 7.640.000 đồng là giá trị tài sản chung được chia và 10.000.000 đồng do anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm giao lại.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Về án phí:

- Chị Nguyễn Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 382.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001390 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành. Chị Nguyễn Hồng N còn phải nộp tiếp 382.000 đồng.

- Anh Nguyễn Minh T phải nộp 882.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức

